TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20 /2020/QĐST-HNGĐ	*Ngũ Hành Sơn, ngày 31 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông Phạm Hồng S, sinh năm 1972; Trú tại:Tổ 9,phường M, quận Ng,TP Đ

+ Bà Dương Thị Ngọc A,sinh năm 1979, Trú tại: Tổ 9,phường M, quận Ng,TP Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hồng S và bà Dương Thị Ngọc A kết hôn vào ngày 2001, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn,TP Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống luôn bất đồng nhau, nên hay cãi vã nhau dẫn đến xung đột. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được, từ năm 2019 đến này vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ. Nay ông S và bà A xác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Thấy, mâu thuẫn giữa ông S và bà A đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn

nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: ông S và bà A xác định chòng có vợ 3 con chung là Phạm Dương Hồng Ng, sinh ngày 22/03/2002; Phạm Hồng Kh, sinh ngày 27/5/2004 và Phạm Hồng Ng1 - sinh ngày: 04/04/2014. Ly hôn, ông bà thỏa thuận: Giao hai con chung Phạm Hồng Kh, sinh ngày 27/5/2004 và Phạm Hồng Ng1 - sinh ngày: 04/04/2014 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. bà A trợ cấp nuôi con 3.000.000đ/ tháng. Thời gian trợ cấp từ tháng 5/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Riêng con chung Phạm Dương Hồng Ng, sinh ngày 22/03/2002 đến nay đã đủ 18 tuổi khỏe mạnh phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa giải quyết. Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83,84 của Luật HN&GĐ chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Về tài sản chung: ông S và bà A không yêu cầu tòa giải quyết.

[4] Về nợ chung: ông S và bà A không yêu cầu tòa giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông S và bà A mỗi người chịu 1/2 là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai số 0009848 ngày 10/03/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản(23/3/2020) ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hồng S và bà Dương Thị Ngọc A thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Phạm Hồng Kh, sinh ngày 27/5/2004 và Phạm Hồng Ng1 - sinh ngày: 04/04/2014 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. bà A trợ cấp nuôi con 3.000.000đ/ tháng. Thời gian trợ cấp từ tháng 5/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Riêng con chung Phạm Dương Hồng Ng, sinh ngày 22/03/2002 đến nay đã đủ 18 tuổi khỏe mạnh phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: ông S và bà A không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về nợ chung: ông S và bà A không yêu cầu tòa giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Huân và bà Trà mỗi người chịu 1/2 là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai số 0009838 ngày 04/03/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND P Bắc Mỹ An, Ngũ Hành Sơn TPĐN.
(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2001,quyển số 01 đăng ký ngày 02/05/2001).
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Đã ký

Lương Thị Anh